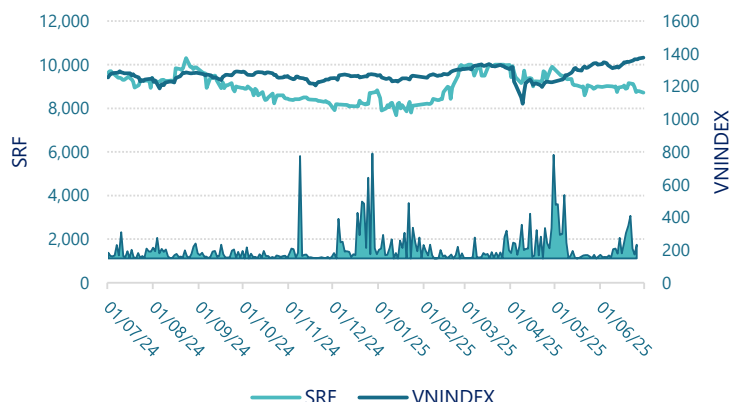


CTCP SEAREFICO (HSX: SRF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,720
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,680
SL cổ phiếu LH	33,786,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,635
% sở hữu nước ngoài	45.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	295
P/E	59.1
EPS	148

DT thuần

Q2/25

284

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 135 | 90.7%

YoY: ▲ 60.0 | 26.8%

LN sau thuế

Q2/25

-3.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 13.0 | -140%

YoY: ▼ 3.76 | -12546%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-2.8%

+/- YoY: ▼ 6.8%

DT thuần

6T 2025

433

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 62.0 | -12.6%

LN sau thuế

6T 2025

5.54

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.87 | 726%

ROE

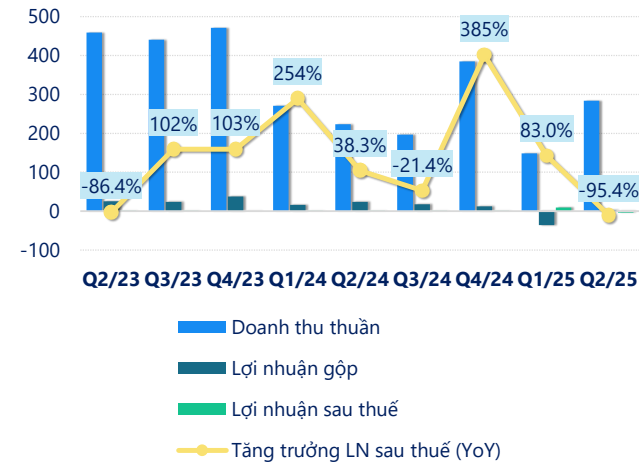
Q2/25

1.2%

+/- YoY: ▲ 1.3%

tỷ VNĐ

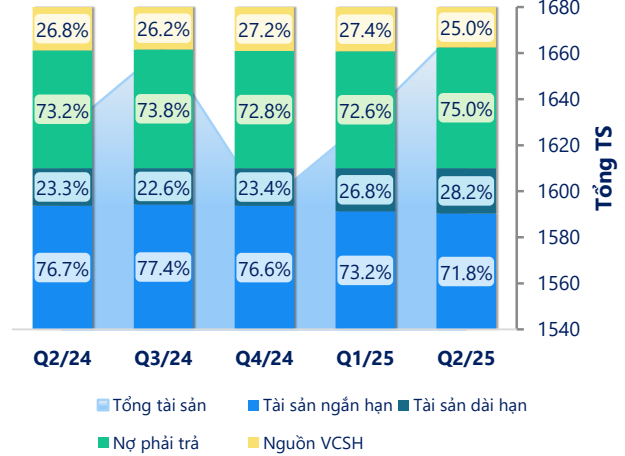
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

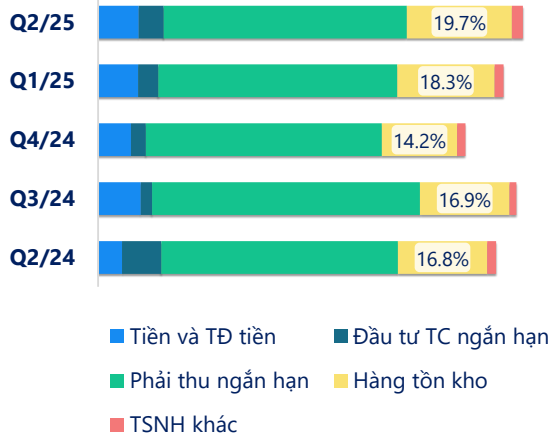
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



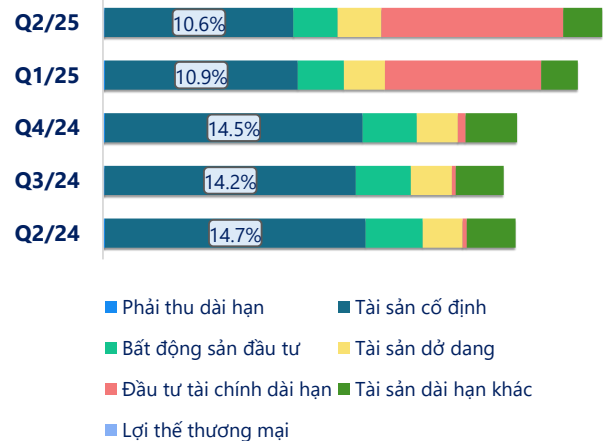
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

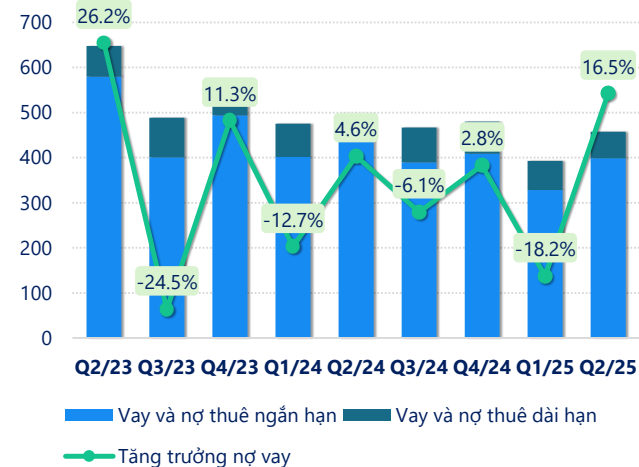
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

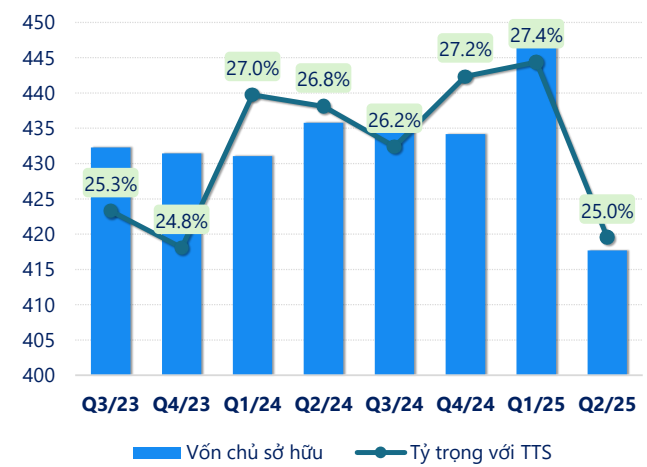
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

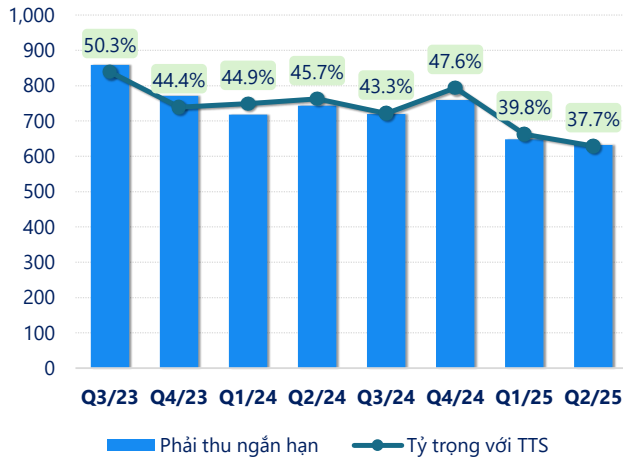
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



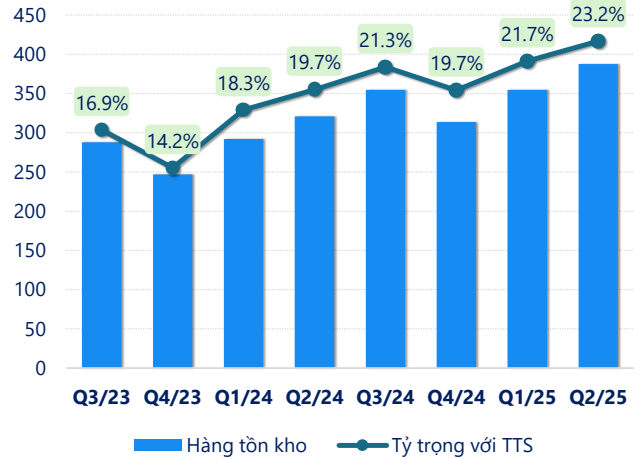
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


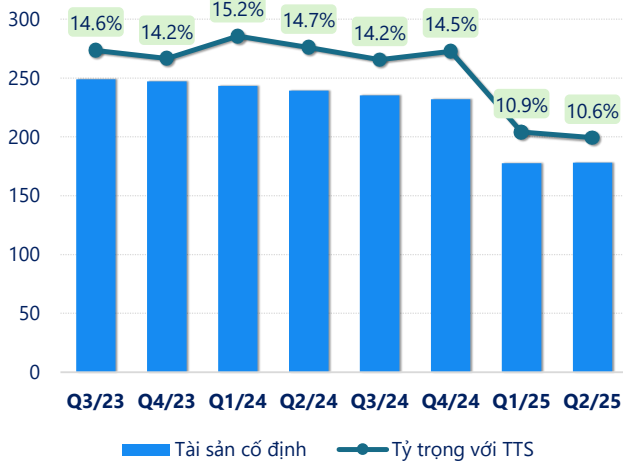
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


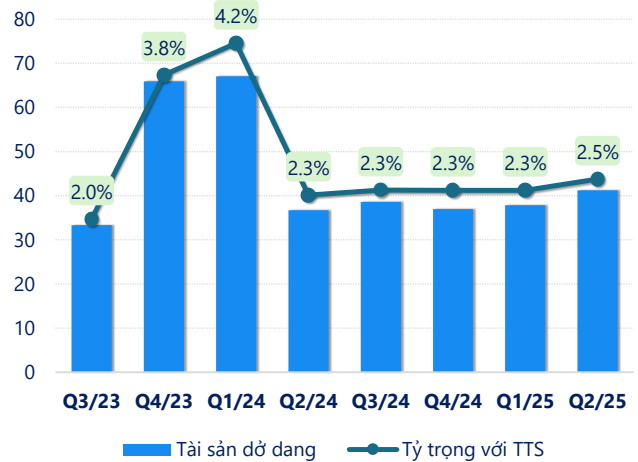
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

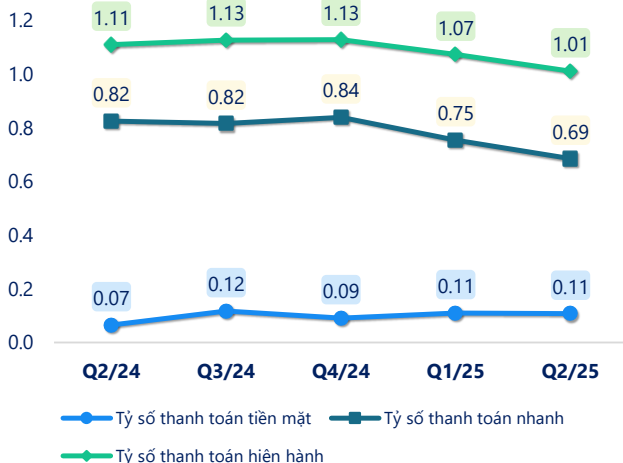
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

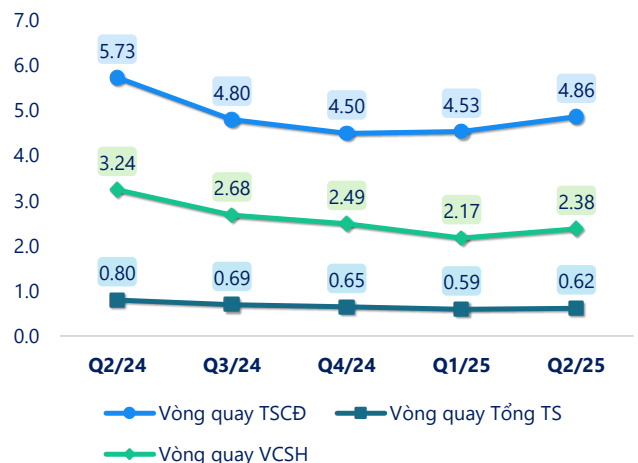
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,625	1,662	1,594	1,630	1,674
Tài sản ngắn hạn	1,247	1,286	1,222	1,193	1,202
Tiền và tương đương tiền	73.0	134	98.6	122	128
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.4	56.0	27.8	43.0	19.2
Phải thu ngắn hạn	743	719	759	648	632
Hàng tồn kho	321	354	314	354	388
Tài sản ngắn hạn khác	33.5	22.3	22.4	25.3	36.0
Tài sản dài hạn	378	376	372	437	471
Phải thu dài hạn	1.75	1.69	1.70	1.68	1.68
Tài sản cố định	239	235	232	177	178
Bất động sản đầu tư	52.3	51.6	48.7	42.5	42.0
Tài sản dở dang	36.7	38.6	37.0	37.8	41.2
Đầu tư tài chính dài hạn	3.66	3.66	6.86	144	172
Tài sản dài hạn khác	44.8	45.0	46.2	33.7	36.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,190	1,226	1,160	1,183	1,256
Nợ ngắn hạn	1,123	1,142	1,083	1,112	1,189
Vay và nợ thuê ngắn hạn	437	390	409	328	399
Phải trả người bán ngắn hạn	372	407	397	422	430
Nợ dài hạn	66.3	84.0	77.3	70.6	66.7
Vay và nợ thuê dài hạn	59.8	77.3	71.3	64.5	58.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	436	436	434	447	418
Vốn chủ sở hữu	436	436	434	447	418
Vốn điều lệ	356	356	356	356	356
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)